



AR-25-VZ-008834-02 / EUVN004-00004224

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

|                              |                                                                                                     |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đơn vị yêu cầu               | : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHI |
| Địa chỉ                      | : Khu C1, Đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam              |
| Ngày lấy mẫu                 | : 21/08/2025                                                                                        |
| Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu | : Ống số 1 - Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi xuất gạo                                     |
| Mã số mẫu                    | : 607-2025-00006083                                                                                 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM           | ĐƠN VỊ             | KẾT QUẢ | QCVN<br>19:2009/BTNMT,<br>Cột B, Kp=0.9; Kv=1 | PHƯƠNG PHÁP THỬ   |
|-----|-------------------------------|--------------------|---------|-----------------------------------------------|-------------------|
| 1   | VZ040 VZ Bụi tổng             | mg/Nm <sup>3</sup> | 11      | 180                                           | U.S. EPA Method 5 |
| 2   | VZ03Y VZ Lưu lượng nguồn thải | m <sup>3</sup> /h  | 7163    | -                                             | U.S. EPA method 2 |
| 3   | VZ0SN VZ Lưu lượng nguồn thải | Nm <sup>3</sup> /h | 7063    | -                                             | U.S. EPA method 2 |

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.

|                              |                                                                  |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| Ngày lấy mẫu                 | : 21/08/2025                                                     |
| Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu | : Ống số 2 - Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi xuất malt |
| Mã số mẫu                    | : 607-2025-00006084                                              |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM           | ĐƠN VỊ             | KẾT QUẢ         | QCVN<br>19:2009/BTNMT,<br>Cột B, Kp=0.9; Kv=1 | PHƯƠNG PHÁP THỬ   |
|-----|-------------------------------|--------------------|-----------------|-----------------------------------------------|-------------------|
| 1   | VZ040 VZ Bụi tổng             | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH<br>(MDL=10) | 180                                           | U.S. EPA Method 5 |
| 2   | VZ03Y VZ Lưu lượng nguồn thải | m <sup>3</sup> /h  | 7024            | -                                             | U.S. EPA method 2 |
| 3   | VZ0SN VZ Lưu lượng nguồn thải | Nm <sup>3</sup> /h | 6890            | -                                             | U.S. EPA method 2 |

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.

|                              |                                                                       |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Ngày lấy mẫu                 | : 21/08/2025                                                          |
| Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu | : Ống số 3 - Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi nhập malt, gạo |
| Mã số mẫu                    | : 607-2025-00006085                                                   |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM           | ĐƠN VỊ             | KẾT QUẢ | QCVN<br>19:2009/BTNMT,<br>Cột B, Kp=0.9; Kv=1 | PHƯƠNG PHÁP THỬ   |
|-----|-------------------------------|--------------------|---------|-----------------------------------------------|-------------------|
| 1   | VZ040 VZ Bụi tổng             | mg/Nm <sup>3</sup> | 18      | 180                                           | U.S. EPA Method 5 |
| 2   | VZ03Y VZ Lưu lượng nguồn thải | m <sup>3</sup> /h  | 9056    | -                                             | U.S. EPA method 2 |
| 3   | VZ0SN VZ Lưu lượng nguồn thải | Nm <sup>3</sup> /h | 8907    | -                                             | U.S. EPA method 2 |

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.



AR-25-VZ-008834-02 / EUVN004-00004224

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 05 tháng 09 năm 2025



Đỗ Lâm Như Ý  
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Nguyễn Thị Bích Thùy  
Phó Giám Đốc

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.  
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.  
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.  
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/environment-testing/](http://www.eurofins.vn/vn/environment-testing/).  
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.  
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.  
(\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VZ-008834-01, xuất ngày 28/08/2025; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



AR-25-VZ-008834-02 / EUVN004-00004224- Trang 2 / 2





AR-25-VZ-008836-01 / EUVN004-00004224

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHI

Địa chỉ : Khu C1, Đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày lấy mẫu : 21/08/2025

Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Nước thải đầu vào (Bể điều hoà trạm xử lý nước thải)

Tình trạng mẫu : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh

Mã số mẫu : 607-2025-00006086

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM |                        | ĐƠN VỊ        | KẾT QUẢ             | QCVN<br>40:2011/BTNMT, cột<br>A, Kq=0.9, Kf=1.0 | PHƯƠNG PHÁP THỬ                         |
|-----|---------------------|------------------------|---------------|---------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | VZ002               | VZ Nhiệt độ            | °C            | 31,5                | 40                                              | SMEWW 2550B:2023                        |
| 2   | VZ008               | VZ Màu                 | Pt-Co         | 93                  | 50                                              | SMEWW 2120C:2023                        |
| 3   | VZ001               | VZ pH                  | -             | 6,77                | 6-9                                             | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)         |
| 4   | VZ00B               | VZ BOD <sub>5</sub>    | mg/l          | 1320                | 27                                              | SMEWW 5210B:2023                        |
| 5   | VZ054               | VZ COD                 | mg/l          | 1697                | 67,5                                            | SMEWW 5220C:2023                        |
| 6   | VZ009               | VZ Chất rắn lơ lửng    | mg/l          | 273                 | 45                                              | TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)         |
| 7   | VZ00S               | VZ Tổng dầu mỡ khoáng  | mg/l          | 1,2                 | 4,5                                             | SMEWW 5520-B&F:2023                     |
| 8   | VZ011               | VZ Sunfua              | mg/l          | 2,07                | 0,18                                            | SMEWW<br>4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023 |
| 9   | VZ00D               | VZ Amoni (tính theo N) | mg/l          | 10,5                | 4,5                                             | SMEWW<br>4500-NH <sub>3</sub> .B&C:2023 |
| 10  | VZ00Q               | VZ Tổng nitơ           | mg/l          | 39,2                | 18                                              | TCVN 6638:2000<br>(ISO10048:1991)       |
| 11  | VZ00P               | VZ Tổng phospho        | mg/l          | 6,33                | 3,6                                             | SMEWW<br>4500-P.B&D:2023                |
| 12  | VZ012               | VZ Clo dư              | mg/l          | KPH<br>(MDL=0,03)   | 0,9                                             | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)      |
| 13  | VZ013               | VZ Tổng Coliform       | MPN/100<br>ml | 3,3x10 <sup>5</sup> | 3000                                            | SMEWW 9221B:2023                        |

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.



AR-25-VZ-008836-01 / EUVN004-00004224

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 03 tháng 09 năm 2025



Đỗ Lâm Như Ý  
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng



Huỳnh Ngọc Phương Mai  
Giám đốc

## Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/environment-testing/](http://www.eurofins.vn/vn/environment-testing/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.







AR-25-VZ-009066-01 / EUVN004-00004224

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHI  
Địa chỉ : Khu C1, Đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày lấy mẫu : 21/08/2025  
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Nước thải sau xử lý (Mương xả trạm quan trắc tự động)  
Tình trạng mẫu : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh  
Mã số mẫu : 607-2025-00006087

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM          | ĐƠN VỊ     | KẾT QUẢ             | QCVN<br>40:2011/BTNMT, cột<br>A, Kq=0.9, Kf=1.0 | PHƯƠNG PHÁP THỬ                      |
|-----|------------------------------|------------|---------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1   | VZ002 VZ Nhiệt độ            | °C         | 29,9                | 40                                              | SMEWW 2550B:2023                     |
| 2   | VZ008 VZ Màu                 | Pt-Co      | 35                  | 50                                              | SMEWW 2120C:2023                     |
| 3   | VZ001 VZ pH                  | -          | 8,96                | 6-9                                             | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)      |
| 4   | VZ00B VZ BOD <sub>5</sub>    | mg/l       | KPH<br>(MDL=1)      | 27                                              | SMEWW 5210B:2023                     |
| 5   | VZ054 VZ COD                 | mg/l       | 8                   | 67,5                                            | SMEWW 5220C:2023                     |
| 6   | VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng    | mg/l       | 3                   | 45                                              | TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)      |
| 7   | VZ00U VZ Asen                | mg/l       | KPH<br>(MDL=0,0005) | 0,045                                           | SMEWW 3114C:2023                     |
| 8   | VZ010 VZ Thủy ngân           | mg/l       | KPH<br>(MDL=0,001)  | 0,0045                                          | SMEWW 3112B:2023                     |
| 9   | VZ0EE VZ Cadimi              | mg/l       | KPH<br>(MDL=0,01)   | 0,045                                           | SMEWW 3120B:2023                     |
| 10  | VZ0ED VZ Chì                 | mg/l       | KPH<br>(MDL=0,02)   | 0,09                                            | SMEWW 3120B:2023                     |
| 11  | VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng  | mg/l       | KPH<br>(MDL=0,5)    | 4,5                                             | SMEWW 5520-B&F:2023                  |
| 12  | VZ011 VZ Sunfua              | mg/l       | KPH<br>(MDL=0,03)   | 0,18                                            | SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023 |
| 13  | VZ00D VZ Amoni (tính theo N) | mg/l       | 1,7                 | 4,5                                             | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&C:2023 |
| 14  | VZ00Q VZ Tổng nitơ           | mg/l       | 5,6                 | 18                                              | TCVN 6638:2000 (ISO10048:1991)       |
| 15  | VZ00P VZ Tổng phospho        | mg/l       | 0,17                | 3,6                                             | SMEWW 4500-P.B&D:2023                |
| 16  | VZ012 VZ Clo dư              | mg/l       | 0,08                | 0,9                                             | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)   |
| 17  | VZ013 VZ Tổng Coliform       | MPN/100 ml | KPH (MDL=2)         | 3000                                            | SMEWW 9221B:2023                     |





AR-25-VZ-009066-01 / EUVN004-00004224

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KPH: Không phát hiện.

- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 05 tháng 09 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý  
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượngHuỳnh Ngọc Phương Mai  
Giám đốc

## Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/environment-testing/](http://www.eurofins.vn/vn/environment-testing/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

